

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2017

**BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2016 - 2017
VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2017 – 2018**
(Dự thảo)

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ
NĂM HỌC 2016 - 2017

I. CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ

- Căn cứ để đánh giá các mặt hoạt động của Nhà trường là các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2016 - 2017.
- Báo cáo của Ban Giám hiệu tại Hội nghị cán bộ, viên chức tháng 5 năm 2016.
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ ĐHQGHN Khóa V giai đoạn 2015-2020.
- Nghị quyết Đại hội lần thứ XXVII Đảng bộ Trường và Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020.
- Chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm 2017 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (Quyết định số 4301/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/12/2016 của Giám đốc ĐHQGHN)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC

2.1. Đào tạo

a. Kết quả đạt được

- Công tác tuyển sinh: Năm 2016, tuyển được 1.690 SV chính quy/1.610 chỉ tiêu (105%, tăng 13% so với năm 2015); 146 SV CLC/170 chỉ tiêu (đạt 85.9%, tăng 4.12% so với năm 2015); 122 SV ngành thứ 2/250 chỉ tiêu (đạt 48.8%); 408 thạc sĩ/500 chỉ tiêu (đạt 81,6%); 134 nghiên cứu sinh/ 150 chỉ tiêu (đạt 89,3%); 320 học viên VLVH/300 chỉ tiêu (đạt 107%).

- Công tác tổ chức đào tạo:

+ Hoạt động đào tạo đại học chính quy đã triển khai được nhiều chương trình để nâng cao chất lượng đào tạo: Tổ chức 56 lớp học phần có sử dụng website; tổ chức 24 buổi tọa đàm về “Phương pháp xây dựng, quản lý mục tiêu và lập kế hoạch học tập”, “Phương pháp học Ngoại ngữ”, “Phương pháp học đại học”, “Kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin hiệu quả trên mạng internet” cho gần 1.700 SV khóa QH-2016-X; Ngoài ra, các đơn vị đào tạo ngành khoa học cơ bản đã triển khai nhiều hoạt động đổi mới phương pháp dạy - học như: Tọa đàm “Hiện trạng và giải pháp nâng cao chất lượng học ngoại ngữ cho sinh viên khoa Triết học”; Tọa đàm “Đào tạo đại học Văn học và Hán Nôm trong bối cảnh hiện tại”...

Việc xây dựng tiến trình đào tạo toàn khóa, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy linh hoạt theo hướng tăng cường các lớp 7 tuần và điều chỉnh khung thời gian giảng dạy đã giúp cho việc đăng ký học tập thuận lợi hơn, số lượt sinh viên đăng ký cao hơn, tiến trình đào tạo được đẩy nhanh hơn (thống kê học kỳ II năm 2016 - 2017, số lượt SV đăng ký tăng hơn 10.000 lượt so với học kỳ trước đó); Công tác tổ chức thi được chia thành 2 đợt (tiến trình 7 tuần và 15 tuần)

đã giúp công tác tổ chức thi, chấm thi được trải đều, rút ngắn được thời gian thi, chấm thi vào cuối kỳ và đẩy nhanh được tiến độ xét tốt nghiệp.

Kết quả học tập của SV có xu hướng tăng cao, tỉ lệ SV đạt học lực giỏi trở lên ở học kỳ I năm học 2016 - 2017 là 38.89% (*học kỳ I năm học 2015 - 2016 là 32.11%*), tỉ lệ SV tốt nghiệp đạt loại học lực giỏi trở lên tăng dần theo từng năm (*khóa 2010 là 25.43%, khóa 2011 là 26.16%, khóa 2012 là 39.40%*). Kết quả xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2017 có 32 SV khóa 2013 tốt nghiệp sớm.

+ Công tác tổ chức đào tạo SDH luôn thực hiện theo đúng quy chế. Tổ chức tốt việc giảng dạy môn Triết học cho bậc SDH trong toàn ĐHQGHN. Phối hợp với các đơn vị thực hiện tốt chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá các môn chuyên ngành và bảo vệ luận văn tốt nghiệp ở các khoa. Lịch trình đào tạo và kiểm tra đánh giá đang dần đi vào nề nếp, bảo đảm tính kế hoạch. Năm học 2016 - 2017 tổ chức bảo vệ và cấp bằng thạc sĩ cho 820 HVCH; tổ chức bảo vệ luận án và cấp bằng tiến sĩ cho 81 NCS.

Đặc biệt, việc ban hành Lịch trình đào tạo thạc sĩ và Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo thạc sĩ (*ngày 16/8/2016*) đã đưa công tác tổ chức đào tạo SDH ngày càng ổn định, bảo đảm đúng kế hoạch.

+ Công tác đào tạo VLVH trong thời gian vừa qua có nhiều yếu tố khách quan tác động, nhưng nhìn chung Nhà trường vẫn giữ được sự ổn định tương đối về quy mô và chất lượng. Các hoạt động quản lý hoạt động ĐT được triển khai đúng theo quy định, kịp thời, luôn có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chức năng, đơn vị và đối tác trong việc tổ chức nhập học, khai giảng, tổ chức ĐT, kiểm tra, đánh giá...

+ Công tác quản lý tổ chức ĐT ngắn hạn ngày càng đi vào ổn định, quy củ. Một số chương trình ĐT ngắn hạn tại Trường vẫn được duy trì ổn định, mở được nhiều khóa theo địa chỉ mang tính chuyên sâu, nghiệp vụ ở các địa phương, như ngành: Khoa học Quản lý, Công tác Xã hội, Văn thư Lưu trữ...

- Công tác xây dựng chương trình ĐT đạt được một số kết quả tích cực:

+ Chương trình đào tạo cử nhân Đông Nam Á học đã trình ĐHQGHN phê duyệt.

+ Các chương trình thạc sĩ theo định hướng ứng dụng đã được ĐHQGHN phê duyệt, đang được triển khai để tuyển sinh trong thời gian tới; chương trình *thạc sĩ Chính sách công* định hướng nghiên cứu và chương trình đào tạo *tiến sĩ Du lịch* đã qua bước thẩm định cấp ĐHQG và chờ phê duyệt.

- Công tác biên soạn học liệu đạt được một số kết quả cụ thể:

+ Tổ chức nghiệm thu 237/301 đề cương học phần các ngành đào tạo đại học (*hệ chuẩn và hệ CLC*) khóa 2015 sau điều chỉnh CTĐT.

+ Tổ chức ký hợp đồng biên soạn 122 bài giảng, giáo trình (*trong đó có 28 bài giảng và 31 giáo trình bậc ĐH; 40 bài giảng và 23 giáo trình SDH*).

+ Tổ chức nghiệm thu và thanh lý hợp đồng 34 bài giảng, giáo trình (*trong đó có 03 bài giảng và 08 giáo trình bậc ĐH; 11 bài giảng và 12 giáo trình SDH*).

+ Tổ chức thẩm định và xuất bản 08 đầu sách.

+ Hủy bỏ 13 hợp đồng biên soạn bài giảng và tài liệu dịch tham khảo quá hạn (*trong đó bài giảng: 09 và tài liệu dịch: 04*).

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

- Chất lượng tuyển sinh ở một số ngành còn thấp; sức hút của nhiều ngành học chưa cao, có xu hướng giảm sút về số lượng tuyển sinh, nhất là các ngành khoa học cơ bản.

- Chất lượng ĐT còn chưa đồng đều, còn khoảng cách với mục tiêu đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, nhất là thị trường yêu cầu lao động CLC, đạt trình độ quốc tế; các CTĐT ngành thứ 2 (*bằng kép*) chưa thu hút được đông đảo SV tham gia; các CTĐT ngắn hạn còn ít, chưa phát huy được ưu thế và nguồn lực tri thức phong phú của đội ngũ chuyên gia trong Trường.

- Chất lượng ĐT ngoại ngữ chưa đáp ứng được yêu cầu, tỉ lệ SV chậm tốt nghiệp do chưa hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ chiếm tỉ lệ cao (*theo thống kê của Trường Đại học Ngoại ngữ trong năm 2016, tỉ lệ sinh viên của Trường thi đạt chuẩn ngoại ngữ trong lần thi đầu tiên chỉ đạt 21%*); đào tạo kỹ năng bổ trợ vẫn còn nhiều hạn chế.

- Tuyển sinh bậc thạc sĩ chưa đạt mức chỉ tiêu của ĐHQGHN giao. Công tác quản lý học vụ, tổ chức đào tạo, kết quả kiểm tra đánh giá ở một số đơn vị thiếu chặt chẽ, thiếu tính hệ thống. Vẫn còn HVCH không hoàn thành luận văn đúng thời hạn.

- Tuyển sinh hệ VLVH ngày càng khó khăn, quy mô lớp ngày càng ít chỉ đạt 40 - 60 học viên/lớp.

• Nguyên nhân

- Sự biến động của thị trường lao động, đặc biệt là yêu cầu về tính ứng dụng trong chuyên môn của các đơn vị sử dụng lao động ngày càng tăng.

- Công tác kiểm tra - đánh giá học phần của giảng viên vẫn tồn tại một số bất cập. Mặc dù kết quả học tập của SV tăng theo từng năm và từng khóa học, tuy nhiên kết quả này vẫn chưa phản ánh đúng năng lực thực sự của SV.

- Sinh viên chưa thấy rõ được tầm quan trọng của kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng bổ trợ trong quá trình học tập và lập nghiệp, dẫn đến việc đầu tư thời gian và công sức cho các học phần này chưa tương xứng. Bên cạnh đó, chất lượng giảng dạy ngoại ngữ và kỹ năng bổ trợ chưa thật tốt cũng ảnh hưởng đến chất lượng ĐT.

- Những quy định trong tuyển sinh SDH, nhất là về chứng chỉ ngoại ngữ và việc tổ chức thi tuyển sinh theo đánh giá năng lực đã ảnh hưởng nhiều đến kết quả công tác tuyển sinh của Trường. Hầu hết các lớp SDH đều học vào ca tối nên ảnh hưởng đến tiến độ cũng như chất lượng dạy và học. Một số học viên không nắm vững quy chế đào tạo thạc sĩ; thiếu trách nhiệm với bản thân.

c. Đánh giá

Công tác đào tạo về cơ bản đã bám sát mục tiêu đề ra là tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả quản lý đào tạo.

2.2. Nghiên cứu Khoa học

a. Kết quả đạt được

* Về tổ chức triển khai các nhiệm vụ KH&CN:

- Các hội thảo/hội nghị/tọa đàm khoa học:

+ Năm 2016, Trường tổ chức 33 hội thảo/hội nghị khoa học, trong đó có 20 hội thảo khoa học quốc tế. Nhà trường tham gia tích cực và đóng góp quan trọng cho sự thành công của Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ V; và các Hội thảo quốc tế: Đại học Đông Dương trong nền giáo dục Pháp - Việt nửa đầu thế kỷ XX: Những vấn đề lịch sử và văn hóa, và các hội thảo: Nghiên cứu so sánh lịch sử Việt Nam - Hàn Quốc; Biển với lục địa - Vai trò và mạng lưới giao lưu của các dòng sông miền Trung; Chia sẻ ký ức lịch sử giữa Việt Nam và Marocco; Vai trò của tầng lớp trung lưu trong quá trình hiện địa hóa ở Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn; Thị Trường, Nhà nước và Xã hội: Kinh nghiệm quốc tế và tác động đến Việt Nam...

+ Một số hội thảo tập trung vào tư vấn chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh mới như: *Cơ hội và thách thức về sở hữu trí tuệ khi Việt Nam tham gia thương mại quốc tế; Chia sẻ về tiến trình xây dựng Luật tiếp cận thông tin tại Việt Nam; Quản trị truyền thông và xử lý khủng hoảng trong bối cảnh truyền thông xã hội; Thực thi luật pháp và tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh xây dựng cộng đồng ASEAN; Điều chỉnh kinh tế sau khủng hoảng tài chính: Kinh nghiệm quốc tế và các hàm ý chính sách; Chính sách phát triển vùng của Việt Nam; Lý thuyết cánh tay trong phát triển đất nước: Trao đổi kinh nghiệm giữa Việt Nam, CHLB Đức và các nước Mỹ Latinh...*

+ Một số hội thảo tập trung vào trợ giúp cộng đồng như: *Chăm sóc sức khỏe - Những vấn đề xã hội học và công tác xã hội; Sang chấn tâm lý và hoạt động trợ giúp; Các nguồn lực văn hóa cho phát triển bền vững: Lý luận, thực tiễn và các giải pháp chính sách; Tôn giáo và đạo đức trong xã hội hiện đại...*

+ Hội nghị khoa học của SV được tổ chức và đã trở thành hoạt động rộng khắp toàn Trường với sự tham gia của các cấp quản lý (*Bộ môn, Khoa, Trường*) và trở thành một trong những hoạt động chính của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên. Năm học 2016 - 2017, có 911 báo cáo SV tham gia NCKH cấp Khoa (15.1%), trong đó có 7 công trình đạt giải cấp Trường.

+ Nhà trường đã tổ chức thành công hội nghị khoa học thường niên của cán bộ trẻ và học viên SĐH với 52 báo cáo, 28 báo cáo đã được thẩm định đề xuất bản.

- Quy hoạch hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu:

Hệ thống trung tâm nghiên cứu được rà soát, sắp xếp lại theo nguyên tắc gắn liền với ngành/chuyên ngành đào tạo và Nhóm nghiên cứu mạnh. Trong năm 2016, Trường đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu Biển và Hải đảo thuộc trường; Thành lập chương trình nghiên cứu "Internet và Xã hội"; 03 phòng thí nghiệm được ĐHQGHN đưa vào đầu tư.

- Các đề tài, dự án KH&CN:

Năm 2016, nhiều cán bộ, giảng viên, nhóm nghiên cứu... đã tham gia tích cực vào việc đăng ký mới và hoàn thành các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước. Trong đó có thể kể đến: Đề tài *Quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách*; Đề tài *Một số vấn đề cơ bản, cấp bách về dân tộc thiểu số ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và những tác động tới Việt Nam*; Đề tài *Nghiên cứu rà soát, đánh giá kết quả, tác động và đề xuất giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 79/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Tác động của tiếp biến và hội nhập văn hóa đến phát triển ở Việt Nam hiện nay; Định hướng bảo tồn phát huy giá trị di sản Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, tỉnh Bắc Giang...* và các đề tài về *Lịch sử Việt Nam và Biên niên sự kiện lịch sử Việt Nam* với sự tham gia của nhiều thầy/cô Khoa Lịch sử. Hiện nay, Trường đang triển khai 17 đề tài cấp Nhà nước.

* **Các kết quả KH&CN:**

- Các sản phẩm và ấn phẩm KH&CN:

+ Năm 2016 - 2017, đội ngũ cán bộ Trường đã công bố 15 sách chuyên khảo, giáo trình, trong đó có 02 sách chuyên khảo được xuất bản bằng tiếng Anh; 603 bài báo, báo cáo KH tham gia hội thảo, đăng tạp chí trong nước và quốc tế, trong đó có tổng 42 bài báo cáo KHQT trong đó có 4 bài báo thuộc hệ thống ISI, 2 bài thuộc hệ thống Scopus, 36 công trình công bố quốc tế khác.

+ Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn đã đi vào ổn định và phát triển tốt.

- Các giải thưởng KH&CN: 01 giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học Công nghệ, 05 giải thưởng Khoa học Công nghệ ĐHQGHN.

- Hoạt động NCKH của Trường đã cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển của Việt Nam: Kịp thời tổng kết các vấn đề của thực tiễn phát triển chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập; cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển vùng miền, địa phương; nghiên cứu đánh giá xu hướng tín ngưỡng của cộng đồng các dân tộc Mông, Dao theo đạo Tin Lành và một số hiện tượng tôn giáo mới vùng Tây Bắc.... Tiếp tục cập nhật và phổ biến các xu hướng mới trong nghiên cứu các ngành KH&XH&NV, đặc biệt các ngành mới như Nhân học, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Khoa học Quản lý...

*** Về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quản lý điều hành:**

- Trường đã tổ chức rà soát, kiểm tra quy trình ISO trong tổ chức HTKH, quản lý đề tài cấp cơ sở, giải thưởng KH&CN các cấp; ban hành Quy định tạm thời về quản lý đề tài cấp cơ sở, chính sách thưởng công bố quốc tế... Các văn bản trên đã tăng tính chủ động của cán bộ và các khoa/bộ môn trong hoạt động KH&CN.

*** Đánh giá năng lực tổ chức và quản lý hoạt động KH&CN:**

- Về hệ thống tổ chức:

+ Hệ thống tổ chức KH&CN của Trường đang chuyển dịch theo hướng đại học nghiên cứu: Hệ thống các khoa, viện, trung tâm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh.

+ Cơ cấu ngành khoa học ngày càng được hoàn thiện với sự hình thành và phát triển của những ngành mới như: Tôn giáo học, Quan hệ Công chúng, Chính sách công. Cơ cấu và sự gắn kết giữa các ngành khoa học của Trường tạo điều kiện thuận lợi để Nhà trường có thể chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH lớn, mang tính liên ngành phục vụ yêu cầu phát triển của khoa học, giáo dục và các lĩnh vực KT-XH khác.

- Về đội ngũ quản lý: Tuy còn thiếu so với yêu cầu công việc song đội ngũ quản lý KH&CN của Trường đã được xác định cụ thể đối với từng cấp quản lý. Đội ngũ quản lý KH&CN ở nhiều khoa/viện tuy không chuyên trách nhưng hoạt động tích cực, hiệu quả. Đội ngũ quản lý cấp Trường là những người có năng lực và kinh nghiệm tổ chức, quản lý các nhiệm vụ KH&CN.

- Về tình hình quản lý KH&CN (*Phân công quản lý, xây dựng văn bản quản lý; thực hiện kiểm tra, giám sát; tổ chức xây dựng các nhiệm vụ KH&CN*):

Nhà trường thường xuyên điều chỉnh phân cấp quản lý và quy trình hoạt động của Trường với những quy định cụ thể đối với cá nhân nhà khoa học, các tổ chức KH&CN. Các hoạt động của Trường nói chung và hoạt động KH&CN đã được quản lý theo quy trình ISO.

- Về việc phát triển nguồn lực KH&CN:

+ Tổng số cán bộ viên chức hiện đang công tác tại Trường là 532 người, trong đó có 371 là GV với: 11 GS.TS, 91 PGS.TS, 232 TS.

+ Các cán bộ khoa học trẻ được đào tạo cơ bản đang là đội ngũ tiên phong trong xây dựng và phát triển Đại học nghiên cứu thông qua việc tham gia tích cực vào các chương trình/đề tài nghiên cứu lớn, các đề án hợp tác quốc tế và công bố quốc tế.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

- Các bài nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao (ISI và Scopus) còn chiếm tỉ lệ rất thấp; Các chương trình/đề án KH&CN có định hướng nghiên cứu lâu dài chưa nhiều; Số các đề tài thể tự duy nghiên cứu liên ngành còn thấp; Khả năng ứng dụng kết quả NC vào thực tiễn chưa cao; Vấn đề về quá hạn nghiên cứu; sử dụng kết quả

nghiên cứu; tạo mạng lưới liên ngành, liên kết trong nghiên cứu; đặc biệt, tính liên ngành của các sản phẩm KH&CN vẫn còn là những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới.

- Mặc dù, các nhà khoa học trong Trường đang tham gia tích cực vào các Chương trình nghiên cứu, biên soạn Bộ Lịch sử Việt Nam, Chương trình nghiên cứu Tây Bắc; Chương trình nghiên cứu Tây Nguyên; Chương trình nghiên cứu của Ủy ban Dân tộc... Nhưng, Trường vẫn chưa xây dựng được các chương trình/đề án nghiên cứu lớn, trọng điểm có tính bền vững, lâu dài; Công tác đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN cần tiếp tục được quan tâm.

• Nguyên nhân

Chưa khai thác và phát huy được thế mạnh của đội ngũ cán bộ, các nhà khoa học; chưa tạo được sự gắn kết giữa các nhà khoa học để hình thành mạng lưới nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành. Trong đó, một thực tế đáng lo ngại là với 224/232 giảng viên có trình độ tiến sĩ (*chiếm 60.3% tổng số giảng viên toàn Trường*), trong đó có 102 giảng viên có chức danh GS, PGS (*chiếm 27.49% tổng số giảng viên toàn Trường*) nhưng không nhiều giảng viên thực sự có thể đăng ký chủ trì các chương trình/đề tài khoa học lớn; có khả năng tổ chức nghiên cứu, vạch ra các hướng nghiên cứu mới, huy động được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cùng tham gia.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí được cấp cho hoạt động khoa học còn khá hạn chế; Nhà trường cũng chưa cân đối được các nguồn thu để xây dựng *Quyển phát triển khoa học và công nghệ*.

c. Đánh giá

Hoạt động KH&CN của Trường được thiết kế có định hướng, chiến lược vừa phát huy được tính chủ động của cá nhân nhà khoa học vừa đảm bảo các quy phạm pháp luật và quy định của ĐHQGHN. Do đặc thù của lĩnh vực KH&NV, dịch vụ KH&CN chưa phát triển song hoạt động KH&CN của Trường đã có những bước phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu theo hướng của Đại học tiên tiến trong khu vực.

2.3. Công tác Tổ chức - Cán bộ

2.3.1. Công tác tổ chức

a. Kết quả đạt được

- Điều chỉnh các văn bản: *Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về việc nâng bậc lương trước thời hạn*.

- Về cơ cấu tổ chức:

+ Thành lập 02 đơn vị mới trực thuộc Trường: Trung tâm Biển và Hải đảo; Bộ môn Tôn giáo học.

+ Thành lập 02 đơn vị mới trực thuộc Khoa: Bộ môn Chính sách công (*thuộc Khoa Khoa học Quản lý*); Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển Công tác Xã hội (*thuộc Khoa Xã hội học*).

- Đề án phát triển cơ cấu tổ chức, nhân sự các bộ môn thuộc khoa.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

- Chưa hoàn thành các thủ tục thành lập Trường THPT chuyên/năng khiếu và một số viện/học viện theo như định hướng của NQ XXVII của Đảng bộ Nhà trường: Viện Văn hoá Nghệ thuật, Viện Đông phương học...

• Nguyên nhân

- Quá trình hoàn thiện Đề án thành lập Trường THPT chuyên/năng khiếu chưa theo lộ trình đặt ra do sự tác động của một số yếu tố khách quan như: Thay đổi về phương thức thi THPT về chương trình giáo dục phổ thông.

- Đề án thành lập Viện Văn hoá Nghệ thuật có một số thay đổi do điều chỉnh định hướng phát triển, tích hợp và nâng cấp Viện.

- Khoa Đông phương học có công văn xin thay đổi lộ trình xây dựng Đề án thành lập Viện Đông phương học do điều kiện thành lập Viện chưa đảm bảo.

c. Đánh giá

Hoàn thành cơ bản các kế hoạch đề ra.

2.3.2. Công tác cán bộ

a. Kết quả đạt được

- Bổ nhiệm: Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại 01 Phó Hiệu trưởng; kiện toàn nhân sự LĐQL các đơn vị: Khoa học Chính trị; Báo chí và Truyền thông, Thông tin - Thư viện, Tâm lý học, Xã hội học, Bộ môn Tôn giáo học, Trường phòng Hợp tác và Phát triển, Phó Trường phòng Quản lý Nghiên cứu Khoa học, Giám đốc Trung tâm Giáo dục Đà Loan, Phó Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo đương đại và một số đơn vị khác.

- Tuyển dụng: Tổng số CBVC đến tháng 5/2017 của Trường là 532 người (*trong đó có 371 GV*). Thu hút và xét tuyển đặc cách được 04 GV có học vị tiến sĩ; Tuyển mới (*diện hợp đồng lao động*) với 16 cán bộ bao gồm giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ hành chính.

- Chức danh: Bổ nhiệm chức danh cho 03 GS và 07 PGS. Số lượng GS/PGS của Trường tăng lên 102 (*11 GS và 91 PGS*), chiếm 27,49% tổng số GV.

- Quản lý cán bộ đi nước ngoài: Cử 242 lượt cán bộ đi học tập, công tác ở nước ngoài.

- Đào tạo, bồi dưỡng: Trường hiện có 152 cán bộ đang học SĐH (*142 NCS, 10 HVCH*). Trong đó có 28 cán bộ đang học ở nước ngoài; có 24 cán bộ bảo vệ thành công LATS, 05 cán bộ bảo vệ luận văn thạc sĩ. Hiện nay, Trường có 232 cán bộ đã có bằng tiến sĩ hoặc đã hoàn thành bảo vệ luận án (*05 trường hợp đang chờ cấp bằng*). Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 60,3%.

+ Tổ chức và cử 233 lượt cán bộ tham gia các hoạt động bồi dưỡng ngắn hạn trong nước; Tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đại học cho 40 GV, 15 GV được cử đi học lớp bồi dưỡng giảng viên chính; 48 cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh.

- Nâng lương: Xét nâng lương cho 189 cán bộ (*trong đó có 136 cán bộ thuộc diện nâng lương thường xuyên, 46 cán bộ thuộc diện nâng lương trước thời hạn, 07 trường hợp nâng lương vượt khung*); Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp, xếp lương cho 10 nhà giáo được bổ nhiệm chức danh GS/PGS năm 2016.

- Chế độ, chính sách: Kịp thời báo điều chỉnh tăng/giảm mức đóng BHXH, BHYT, BHTN; Giải quyết thủ tục nghỉ hưu cho 08 cán bộ; Giải quyết thủ tục chốt sổ BHXH cho 19 cán bộ xin thôi việc, chuyển công tác. Việc chi trả tiền lương, các loại phụ cấp và phúc lợi được thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền lợi và chế độ cho cán bộ.

- Quản lý hồ sơ, cập nhật dữ liệu 534 hồ sơ cán bộ trên Cổng thông tin cán bộ của ĐHQGHN.

- Đánh giá cán bộ: Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, viên chức theo năm học/năm tài chính được thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước, của ĐHQGHN và của Trường.

b. Hạn chế và nguyên nhân

- **Hạn chế**

- Còn nhiều cán bộ làm NCS vượt quá thời gian đào tạo chuẩn và thời gian đào tạo tối đa.

- Một số đơn vị chưa sẵn sàng nhận chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm học liên quan tới chỉ tiêu công bố quốc tế, chỉ tiêu đạt chuẩn chức danh, học vị.

- **Nguyên nhân**

- Giảng viên chưa tập trung hết sức, chưa coi việc đạt chuẩn học vị là nhiệm vụ bắt buộc để hoàn thành mục tiêu bảo vệ luận án trong thời gian đào tạo chuẩn.

- Nhiều GV chưa sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn (*đặc biệt là tiếng Anh*), phần nào ảnh hưởng đến khả năng nghiên cứu, công bố quốc tế.

- Một số đơn vị, do số lượng HVCH, NCS giảm nên giảng viên ít có cơ hội hướng dẫn luận văn, luận án. Đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng tới điều kiện xét chức danh GS, PGS.

c. Đánh giá

Hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Việc áp dụng các giải pháp phù hợp đã thúc đẩy số lượng GV có học vị tiến sĩ tăng nhanh. Các chính sách ngày càng đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và phù hợp với nguyện vọng của cán bộ, viên chức.

2.4. Kế hoạch - tài chính

a. Kết quả đạt được

- Lập kế hoạch dự toán kinh phí phù hợp với nguồn kinh phí, định mức chi, thời gian thực hiện; Thực hiện kế hoạch ngân sách đúng thời gian, đúng mục đích, yêu cầu; sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả.

- Đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu theo nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện chế độ kế toán, sử dụng và thanh quyết toán các nguồn kinh phí đúng thời hạn, đúng quy định của Nhà nước.

- Sử dụng hiệu quả quỹ phát triển sự nghiệp vào việc đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, kinh phí cho nhiệm vụ phát triển đội ngũ, hỗ trợ kinh phí cho cán bộ đi nâng cao trình độ.

- Năm 2016, tổng nguồn thu các nguồn kinh phí ổn định so với năm 2015, thu nhập tăng bình quân ổn định so với năm 2015.

b. Hạn chế và nguyên nhân

- **Hạn chế**

- Nguồn thu bổ sung giữ mức ổn định, không tăng. Nguồn thu từ đào tạo hệ VLVH giảm 31% so với năm 2015 (*năm 2015 giảm 17% so với năm 2014*).

- Thanh toán kinh phí thực hiện biên soạn giáo trình, bài giảng chậm so với hợp đồng ký.

- Tỷ lệ đầu tư kinh phí cho nhiệm vụ NCKH còn thấp, chủ yếu là đầu tư cho kinh phí NCKH sinh viên, chưa xây dựng được *Quỹ nghiên cứu khoa học* để thực hiện các đề tài theo định hướng nghiên cứu căn bản, lâu dài cho cán bộ.

- **Nguyên nhân**

- Số lượng SV hệ VLVH tuyển được giảm so với năm 2015.

- Nguồn thu bổ sung có chiều hướng giảm nên khó cân đối tỷ lệ trích cho nhiệm vụ NCKH.

c. Đánh giá

Hoàn thành kế hoạch công tác. Việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước.

2.5. Xây dựng cơ sở vật chất

a. Kết quả đạt được

- Giữ gìn đảm bảo tuyệt đối an toàn cơ quan, tổ chức tốt công tác quản lý giảng đường và vệ sinh môi trường phục vụ kịp thời cho công tác dạy và học.

- Quản lý và điều hành tốt phương tiện xe cộ phục vụ kịp thời cho các hoạt động của Trường.

- Tăng cường kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa và trang bị bổ sung thiết bị tại các giảng đường và các đơn vị phục vụ kịp thời cho công tác đào tạo, NCKH và công tác quản lý của Trường.

- Phối hợp với Ban Quản lý các dự án ĐHQGHN triển khai và hoàn thành Dự án xây dựng phòng học thông minh; Dự án cải tạo tầng 1, 2 nhà E; Dự án cải tạo tầng 3 nhà E. Hoàn thành việc sắp xếp cơ sở vật chất cho các đơn vị tại Khối Hiệu bộ.

- Hoàn thành công tác chỉnh trang sân vườn và bổ sung cây xanh trong khuôn viên Trường.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

Hiệu quả sử dụng trang thiết bị phục vụ công tác ĐT, NCKH và công tác quản lý chưa cao; còn lãng phí trong sử dụng điện, nước.

• Nguyên nhân

Ý thức sử dụng thiết bị, tinh thần giữ gìn của công của các tập thể và cá nhân chưa cao; công tác kiểm tra, giám sát chưa chặt chẽ và thường xuyên.

c. Đánh giá

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra.

2.6. Hợp tác và Phát triển

a. Kết quả đạt được

- Tiếp tục phát triển các chương trình hợp tác quốc tế với các đối tác mới bằng việc gia hạn và ký mới 25 văn bản hợp tác với các đối tác có uy tín nước ngoài như: Đại học Burapha, Đại học Udon Thani Rajabhat (Thái Lan), Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh, Đại học Sư phạm Hoa Đông (Trung Quốc), Đại học Tokyo, Đại học Nữ thực Showa, Đại học Rikkyo, Đại học Kobe, Đại học Hiroshima (Nhật Bản), Đại học Ajou, Đại học Hosan, Đại học Hanyang Cyber (Hàn Quốc), Đại học Cork (CH Ai Len), Đại học UCAM (Tây Ban Nha), Đại học Bắc Đan Mạch (Đan Mạch), Đại học Zurich (Thụy Sĩ), Đại học Monterey Bay, Bang California (Hoa Kỳ), Đại học Paul Valery, Montpellier III (Pháp)... nâng tổng số văn bản hợp tác quốc tế hiện tại của Nhà trường lên 273.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác và dự án quốc tế.

- Tiếp đón 850 SV và các nhà khoa học quốc tế đến tham dự hội thảo, trao đổi khoa học, thực tập, học tập và nghiên cứu tại Trường. Tổ chức đón tiếp chu đáo hơn 40 đoàn khách quốc tế, trong đó có đoàn cấp cao của Đại sứ quán các nước Hoa Kỳ, Israel, New Zealand, Iran, Hàn Quốc, Indonesia, Philippines, Morocco, Venezuela... đến trao đổi hợp tác và giao lưu tại Trường.

b. Hạn chế và nguyên nhân

- **Hạn chế**

- Hoạt động hợp tác và phát triển vẫn chưa được đẩy mạnh ở tất cả các đơn vị.
- Số lượng các chương trình, dự án nghiên cứu và hợp tác đào tạo quốc tế không tăng.
- Hiệu quả của việc triển khai thực hiện nội dung các văn bản hợp tác đã ký kết còn hạn chế.
- Số lưu học sinh đăng ký tham gia các chương trình ĐT bậc cử nhân và SDH có dấu hiệu chững lại.

- **Nguyên nhân**

- Một số đơn vị chưa chủ động, tích cực nghiên cứu các giải pháp để khắc phục những khó khăn và hạn chế trong hoạt động hợp tác và phát triển của Trường.
- Sự phối hợp, liên thông giữa các đơn vị trong Trường còn chưa chặt chẽ.

c. Đánh giá

Hoàn thành kế hoạch và nhiệm vụ năm học. Công tác đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với Trường được chuẩn bị và tổ chức chu đáo. Việc tiếp tục ký mới và gia hạn các văn bản hợp tác với các đối tác có uy tín ở khu vực và trên thế giới đã góp phần khẳng định vị thế và uy tín của Nhà trường.

2.7. Đổi mới quản trị đại học và cải cách hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông

2.7.1. Đổi mới quản trị đại học và cải cách hành chính

a. Kết quả đạt được

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý con dấu, quản lý tài liệu, văn bản của Trường, xử lý và luân chuyển công văn đi - đến kịp thời đúng theo quy định của ĐHQGHN và của Nhà nước.
- Thực hiện tốt công tác tổng hợp, báo cáo, thống kê... phục vụ kịp thời các hoạt động của Trường và yêu cầu của cấp trên.

b. Hạn chế và nguyên nhân

- **Hạn chế**

Công tác lưu trữ hồ sơ chưa được thực hiện tốt ở một số phòng, ban, đơn vị.

- **Nguyên nhân**

Lãnh đạo một số đơn vị chưa thật sự quan tâm và thực hiện đúng các quy định về công tác lưu trữ tài liệu, hồ sơ công việc.

- **Đánh giá**

Hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã đề ra.

2.7.2. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông

a. Kết quả đạt được

- Băng thông truy cập internet tiếp tục được nâng cấp (*10Mb quốc tế, 100Mb trong nước*); Hệ thống phòng máy tính, phòng video conference phục vụ cho công tác đào tạo được đầu tư đồng bộ; hệ thống mạng internet của ĐHQGHN được nâng cấp băng thông có tốc độ cao, hoạt động tốt.
- Các phần mềm quản lý hoạt động ổn định; Hệ thống website học phần hỗ trợ cho công tác đào tạo hoạt động hiệu quả thu hút được nhiều giảng viên và sinh viên tham gia.
- Hệ thống thư tịch khoa học theo chuẩn webometric của Trường thường xuyên được bổ sung, cập nhật (*xếp thứ 2 trong toàn ĐHQGHN*).

- Hệ thống mạng được duy trì ổn định, đảm bảo an ninh, an toàn dữ liệu.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

- Hệ thống quản lý, theo dõi, giám sát, quản trị mạng, đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống mạng chưa được đầu tư.

- Hệ thống wifi được triển khai ở quy mô hạn chế, khó truy cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Hệ thống bảo mật, quản lý hoạt động mạng chưa được đầu tư một cách đồng bộ và tương xứng với quy mô của Nhà trường.

- Hệ thống phần mềm quản lý thiếu sự liên thông, liên kết dẫn đến sự chông chéo và khó khăn trong việc trao đổi dữ liệu, 4/7 máy chủ đã lạc hậu; 1/7 máy chủ không hoạt động.

- Hệ thống website còn phân tán, nội dung được tổ chức chưa thực sự khoa học và cập nhật, dẫn đến việc tìm kiếm thông tin gặp nhiều khó khăn.

• Nguyên nhân

- Thiếu kinh phí đầu tư cho việc nâng cấp hệ thống mạng, hệ thống quản lý, đảm bảo ổn định đường truyền...

- Trường không thể chủ động đầu tư phát triển phần mềm do phụ thuộc vào chính sách của ĐHQGHN. Đội ngũ cán bộ CN-TT còn thiếu; việc tuyển dụng cán bộ CN-TT gặp nhiều khó khăn.

c. Đánh giá

Hạ tầng CNTT của Nhà trường được nâng cấp, từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác thông tin phục vụ giảng dạy, NCKH và học tập của cán bộ, SV.

2.8. Đảm bảo chất lượng và phát triển văn hoá chất lượng

a. Kết quả đạt được

- Các hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng :

+ 01 CTĐT cử nhân ngành Triết học được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn AUN, kết quả: 4.0/7.

+ Kiểm định chất lượng CTĐT cử nhân ngành Việt Nam học (đạt 4.0/7) và CTĐT cử nhân ngành Tâm lý học (đạt 4.3/7) theo tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, ĐHQGTPHCM thực hiện.

+ Đánh giá chất lượng đồng cấp 02 CTĐT cử nhân CLC Lịch sử (đạt 4,73) và CTĐT cử nhân ngành Xã hội học (đạt 4,3).

+ Tổ chức 05 buổi tập huấn về viết báo cáo tự đánh giá CTĐT cho các Khoa Văn học, Khoa Báo chí và Truyền thông, Khoa Du lịch học, Khoa Nhân học và Khoa Khoa học Chính trị cho những CTĐT sẽ được ĐGCL trong năm 2017.

- Công tác hậu kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo:

+ Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo cử nhân ngành Đông phương học và cử nhân ngành Triết học sau kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn AUN.

- Các hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan:

+ Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của người học về học phần :

Bậc đại học: Học kỳ 1, năm học 2016 - 2017: 306 học phần/19.159 lượt sinh viên đánh giá (thí điểm khảo sát trực tuyến có 200 sinh viên thực hiện).

+ Hoạt động khảo sát giảng viên tự đánh giá: 300 giảng viên

+ Hoạt động khảo sát lấy ý kiến về chất lượng các hoạt động hỗ trợ của người học: 1400 sinh viên.

+ Hoạt động khảo sát lấy ý kiến nhà sử dụng lao động: 175 nhà sử dụng lao động.

- Đánh giá theo QS: Triển khai lấy ý kiến của các học giả quốc tế về các chương trình đào tạo của đơn vị: Lập danh sách, giới thiệu các học giả trong nước và quốc tế tham gia xếp hạng QS châu Á năm 2017 lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo kế hoạch của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xây dựng quy trình đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn khác nhau.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

Mới thực hiện khảo sát trực tuyến lấy ý kiến phản hồi của người học một số học phần.

• Nguyên nhân

Chưa có quy định bắt buộc sinh viên thực hiện khảo sát trực tuyến.

c. Đánh giá

Hoàn thành công tác đảm bảo chất lượng theo đúng kế hoạch, bước đầu thực hiện thí điểm khảo sát trực tuyến lấy ý kiến người học về học phần; hoàn thành tốt công việc ĐGCL và KĐCL các CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn khác nhau.

2.9. Thanh tra và pháp chế

a. Kết quả đạt được

- Kiện toàn bộ máy thanh tra - pháp chế: gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng, 03 chuyên viên, và 20 cán bộ thanh tra viên kiêm nhiệm ở 16 khoa/bộ môn và các phòng, trung tâm.

- Tổ chức kiểm tra công tác giảng dạy, NCKH, học tập các hệ, các bậc đào tạo (*kiểm tra gần 3000 lượt lớp học tại giảng đường, trong đó có hệ chính quy 2600 lượt lớp; hệ VLVH và sau đại học là gần 400 lượt lớp*); Thanh tra, kiểm tra thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp các hệ, các bậc, thi học kỳ tại Trường và các đơn vị ĐT trong ĐHQGHN (*01 đợt thi ĐGNL tại Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định; 02 kỳ thi tuyển sinh sau đại học; các đợt thi hết môn sau đại học, thi hết học kỳ I, học kỳ II, học kỳ hè, thi bổ sung hệ chính quy, VLVH, ngắn hạn với 1810 lượt phòng thi*).

- Công tác giám sát nội bộ các mặt hoạt động của Nhà trường được thực hiện thường xuyên, đồng bộ: tiến độ thực hiện kế hoạch năm, tháng; kiểm tra, giám sát công tác quản lý tài chính, sử dụng tài sản, hành chính, giám sát phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện ba công khai đảm bảo tiết kiệm, theo quy định...

- Công tác tiếp dân được thực hiện thường xuyên; phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo của công dân nhanh chóng, kịp thời, chính xác, đảm bảo quy định của pháp luật, xác minh trả lời đề nghị của một số cơ quan liên quan đến người học (*05 trường hợp*); chủ trì, phối hợp với các đơn vị kiểm tra, xác minh văn bằng chứng chỉ các hệ, bậc đào tạo thực hiện theo từng đợt tuyển sinh và theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (*1.250 văn bằng*).

- Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật với nhiều hình thức (*hơn 60 văn bản pháp luật liên quan đến ngành, trong đó tổ chức 02 hội nghị phổ biến hơn 15 văn bản luật, quy chế, quy định... quan trọng thiết thực liên quan trực tiếp tới nhà trường, CBVC, người học*); thẩm định tính pháp lý của các văn bản trước khi ban hành; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, văn bản quản lý, chỉ đạo, điều

hành của Nhà trường và của đơn vị. Trường đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiêu chí về pháp chế của Bộ GD-ĐT. Tham gia các hoạt động bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Nhà trường.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

- Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các mặt hoạt động của Nhà trường còn chưa đều, chưa rộng khắp trong toàn Trường; một số cán bộ quản lý, GV, SV, HV còn nhận thức chưa đầy đủ về công tác này.

- Qua kiểm tra, đã nhắc nhở, phê bình và xử lý nhiều SV, HV đi học muộn, bỏ tiết, vi phạm quy chế thi... (*hơn 160 lượt SV, HV vi phạm quy chế học tập và quy chế thi và 112 lượt GV đi dạy muộn, coi thi muộn, bỏ dạy, bỏ coi thi...*).

• Nguyên nhân

Một số đơn vị còn thiếu quan tâm đến hoạt động thanh tra, pháp chế; cán bộ làm công tác thanh tra ở đơn vị còn thiếu kinh nghiệm nên hiệu quả chưa cao.

c. Đánh giá

Hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch, góp phần củng cố kỷ cương, nề nếp học tập, giảng dạy trong toàn Trường.

2.10. Công tác chính trị tư tưởng, thi đua khen thưởng, công tác sinh viên, quốc phòng an ninh

2.10.1. Công tác chính trị - tư tưởng và thi đua khen thưởng

a. Kết quả đạt được

- Thực hiện đầy đủ các đợt sinh hoạt chính trị cho cán bộ và SV toàn Trường, thực hiện tốt cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh*”; học tập, quán triệt NQTU 4 Khóa XII và các cuộc học tập, vận động khác bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực, sinh động.

- Thực hiện quy chế dân chủ thông qua hình thức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với SV các khoá (*hơn 500 sinh viên tham gia*).

- Tổ chức nhiều hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện; tổ chức thiết thực, có hiệu quả các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn; tổ chức cuộc thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh và nhiều cuộc thi khác.

- Tổ chức lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho 281 đoàn viên ưu tú là cán bộ và SV; kết nạp 49 đảng viên mới, trong đó có 11 cán bộ và 38 SV.

- Nhà trường được nhận cờ thi đua của ĐHQGHN, có 58 tập thể được công nhận Tập thể Lao động xuất sắc, 57 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 15 chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG, 10 cán bộ và 25 tập thể được nhận bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN; 06 cá nhân được đề nghị xét Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 06 tập thể và 01 cá nhân được đề nghị xét Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 06 tập thể và 06 cá nhân được đề nghị xét Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhà trường tiếp tục thực hiện chính sách khen thưởng cán bộ có nhiều thành tích trong học tập, nghiên cứu, công bố quốc tế.

b. Đánh giá

Công tác chính trị tư tưởng tiếp tục được duy trì và từng bước đổi mới. Trong năm học vừa qua, không có cán bộ, sinh viên nào vi phạm pháp luật, vi phạm về đạo đức lối sống.

2.10.2. Công tác sinh viên

a. Kết quả đạt được

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận và quản lý hồ sơ SV nhập học.
- Thực hiện trợ cấp xã hội đối với sinh viên thuộc diện chính sách theo đúng quy định của nhà nước. Xét trợ cấp khó khăn mức 500.000đ/sinh viên cho 50 SV.
- Xét cấp học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội cho 900 SV. Xét cấp học bổng tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước cho 295 SV với số tiền là 595.000.000đ và 48.700 đô la Mỹ.
- Có 220 SV hệ chính quy và 54 SV hệ VLVH được khen thưởng về thành tích học tập, công tác và vượt khó vươn lên trong học tập; 159 SV và cán bộ trẻ là gương mặt tiêu biểu cấp Trường, trong đó có 13 SV, 01 NCS và 2 cán bộ là gương mặt trẻ tiêu biểu cấp ĐHQGHN.
- Xử lý kỷ luật 140 SV vi phạm Quy chế đào tạo và Quy chế về công tác sinh viên.
- Chuẩn bị hồ sơ xét tốt nghiệp cho SV khoá QH.2013.X hệ chính quy.
- Quản lý tốt LHS Lào, SV Trung Quốc và LHS các nước theo hiệp định. Mọi quan hệ với các tổ chức ngoài Trường trong công tác quản lý SV luôn hoạt động có hiệu quả.
- Đã phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức cho SV thực tập; đã tiến hành điều tra thông tin SV sắp tốt nghiệp khoá QH.2013.X; giới thiệu SV tốt nghiệp cho các tổ chức và doanh nghiệp; tổ chức hiệu quả hội nghị tập huấn cho cán bộ lớp; đã tổ chức gặp mặt cựu SV tiêu biểu và thành lập các chi hội cựu SV các đơn vị trong Trường; thông báo danh sách SV dự kiến tốt nghiệp năm 2017 để các địa phương chủ động có kế hoạch tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực. Tổ chức thăm và chúc tết SV nội trú và SV nước ngoài nhân dịp Tết dương lịch.
- Đảm bảo tốt chế độ khám sức khỏe định kỳ cho SV, nhất là SV sắp tốt nghiệp.
- Hoàn thành xuất sắc bảo hiểm y tế với 100% SV tham gia.
- Phối hợp với Sở Y tế Hà Nội, Bệnh viện An Thịnh tổ chức các lớp chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nữ SV toàn Trường và thu hút gần 100% nữ sinh tham gia.
- Hoàn thành việc đăng nhập cơ sở dữ liệu của SV hệ chính quy toàn Trường.
- Hoàn thành tổng điều tra SV nam đang học tập tại trường trong độ tuổi gọi nhập ngũ.
- Phối hợp và triển khai tốt ngày hội tư vấn tuyển sinh đại học năm 2017 do Bộ GD&ĐT và Báo Tuổi trẻ tổ chức. Đặc biệt, tổ chức và triển khai hiệu quả hoạt động của các đội “Đại sứ sinh viên” đến hơn 100 trường THPT khu vực phía Bắc và Bắc miền Trung.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

Trong năm học vừa qua số SV vi phạm quy chế thi và kỷ luật học đường vẫn còn; việc nợ đọng học phí vẫn còn; một số SV vẫn chưa có động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn.

• Nguyên nhân

Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, đơn vị trong việc quản lý, kiểm tra thực hiện kỷ cương kỷ luật học đường.

c. Đánh giá

Chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe đối với người học được thực hiện tốt. Công tác tư vấn, hướng nghiệp điều tra việc làm cho SV tốt nghiệp và tạo cơ hội tìm kiếm việc làm cho SV được chú trọng thường xuyên. Công tác đăng nhập cơ sở dữ liệu SV, tổng điều tra SV nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ được thực hiện kịp thời.

2.10.3. Công tác quốc phòng an ninh

a. Kết quả đạt được

- Công tác giảng dạy chương trình QP-AN cho SV được Trung tâm GDQP-AN tại Hòa Lạc giảng dạy và huấn luyện tập trung đạt kết quả tốt (*đạt gần 100% sinh viên được cấp chứng chỉ*).

- Thực hiện tốt việc tổng điều tra, đăng ký nghĩa vụ quân sự (*tuổi 18-25*), diện sẵn sàng nhập ngũ, quân nhân dự bị; Đăng ký quản lý công dân trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; Làm tốt công tác huấn luyện dân quân tự vệ; Cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức QP-AN; 100% Trung đội dân quân tự vệ nòng cốt tham gia huấn luyện, hội thi, hội thao do Quận Thanh Xuân, Bộ Tư lệnh Thủ đô, ĐHQGHN tổ chức và xây dựng kế hoạch tách chiến, thường trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày Lễ lớn của Đất nước và Thủ đô...

- Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội (*Tổ chức thăm, gặp mặt, tặng quà cho gia đình thương binh liệt sĩ, có công với cách mạng, các trại thương binh nhân 70 năm ngày thương binh liệt sĩ 27/7, ngày thành lập QĐND, ngày Quốc phòng toàn dân 22/12...*); Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị trên địa bàn Quận và Thủ đô.

- Lực lượng tự vệ của Nhà trường liên tục hàng năm là Đơn vị Quyết thắng.

b. Hạn chế và nguyên nhân

• Hạn chế

Công tác tiếp nhận thông tin khai báo, di chuyển nghĩa vụ quân sự đối với nam sinh viên ra Trường về nơi cư trú vẫn còn gặp khó khăn.

• Nguyên nhân:

Một số SV chưa nhận thức rõ trách nhiệm về đăng ký nghĩa vụ quân sự và thực hiện nghĩa vụ công dân.

c. Đánh giá

Cán bộ, SV Nhà trường luôn xác định rõ trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm an ninh và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm học 2016 - 2017, mặc dù còn một số hạn chế, tồn tại, do cả nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng nhìn chung Nhà trường đã cơ bản hoàn thành những chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các hoạt động đều được thực hiện đúng theo kế hoạch, bảo đảm chất lượng và định hướng phát triển chung của Nhà trường và ĐHQGHN.

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2017 - 2018

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ ĐHQGHN lần thứ V; Chương trình hành động của Đảng bộ ĐHQGHN thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp; NQ Đại hội XII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần XXVII...

- Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2017 - 2018 của ĐHQGHN và Bộ GD-ĐT; Kế hoạch phát triển ĐHQGHN giai đoạn 2017 - 2020; Chiến lược phát triển Trường đến 2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển KH&CN đến 2020, tầm nhìn 2030.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

2.1. Sắp xếp, tái cấu trúc ngành và chuyên ngành; điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng cường liên thông, liên kết; xây dựng một số CTĐT chất lượng cao và các chương trình liên kết đào tạo quốc tế theo hướng xã hội hóa; đổi mới và hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo, phương pháp giảng dạy, chính sách đầu tư cho giảng viên; đổi mới nội dung giảng dạy học phần ngoại ngữ và chương trình đào tạo kỹ năng bổ trợ; triển khai công tác đào tạo SDH theo hướng ứng dụng.

2.2. Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu KH&CN theo hướng hiện đại; phát triển nguồn lực, đặc biệt nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, chuyên gia đầu ngành; tham gia sâu rộng vào các chương trình khoa học trọng điểm của Nhà nước, địa phương; đa dạng hóa hợp tác quốc tế trong hoạt động KH&CN; tiếp tục xây dựng Trường thành đại học nghiên cứu tiên tiến của khu vực; tăng cường công bố quốc tế trên hệ thống tạp chí quốc tế có chỉ số ảnh hưởng cao (ISI, Scopus) và các nhà xuất bản quốc tế có uy tín.

2.3. Tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện mô hình một số đơn vị phát triển theo định hướng đại học nghiên cứu, một số đơn vị theo hướng xã hội hoá CTĐT; Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý; Quy hoạch các trung tâm, theo hướng gắn kết nhiệm vụ ĐT và NCKH với các khoa và theo đúng định hướng phát triển đại học nghiên cứu hiện đại.

2.4. Hoàn thành tốt công tác kiểm định chất lượng CTĐT cử nhân ngành Văn học theo tiêu chuẩn AUN và đánh giá chất lượng đồng cấp các CTĐT cử nhân ngành Báo chí, Chính trị học, Nhân học và Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành; Thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan.

2.5. Tập trung triển khai các dự án đầu tư chiều sâu tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án đầu tư cơ sở vật chất và các dự khác; tăng tỷ trọng nguồn thu bổ sung. Cân đối các nguồn kinh phí đảm bảo chi trả thu nhập tăng thêm bằng hoặc tăng hơn so với năm 2016.

2.6. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ và SV; triển khai có hiệu quả khả năng tìm kiếm việc làm cho SV sau tốt nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ SV; điều tra việc làm SV sau khi tốt nghiệp; quản lý tốt công tác cựu SV; chủ động huy động nguồn lực học bổng từ các tổ chức, các quỹ, các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm tặng thưởng cho SV.

III. CÁC NHIỆM VỤ, CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP

3.1. Đào tạo

a. Nhiệm vụ

- Sắp xếp, tái cấu trúc ngành và chuyên ngành; điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng cường liên thông, liên kết, tạo cơ chế thuận lợi để người học có thể liên thông giữa các bậc học, ngành học và CTĐT; xây dựng một số CTĐT chất lượng cao theo hướng xã hội hóa (*Thông tư 23 của Bộ GD-ĐT*); xây dựng các chương trình liên kết đào tạo quốc tế theo hướng xã hội hóa và linh hoạt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học; xây dựng hệ thống học liệu, giáo trình, bài giảng quốc tế; mời các giáo sư thỉnh giảng, chuyên gia tư vấn đào tạo; mở các diễn đàn giao lưu SV quốc tế.

- Đổi mới và hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo; tăng cường trách nhiệm của cán bộ quản lý, chuyên viên; Xây dựng tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ cao; đánh giá tính hiệu quả của cố vấn học tập;

- Đổi mới phương pháp giảng dạy với việc lấy người học làm trung tâm, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng mới để làm việc trong môi trường có tính cạnh tranh và luôn biến đổi.

- Đổi mới chính sách đầu tư cho giảng viên biên soạn giáo trình, xuất bản tài liệu tham khảo trên cơ sở phân tầng, phân loại giáo trình, học liệu. Những giáo trình gốc, học liệu cốt lõi của ngành cần có sự đầu tư tài chính riêng và tạo cơ chế khai thác, sử dụng các nguồn lực từ các cơ quan khoa học ngoài ĐHQGHN.

- Đổi mới nội dung giảng dạy học phần ngoại ngữ; nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy ngoại ngữ; tăng cường công tác đánh giá chất lượng giảng dạy ngoại ngữ.

- Đổi mới CTĐT kỹ năng bổ trợ; Tiếp tục thực hiện các biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới quản lý đào tạo theo hướng tăng quyền tự chủ cho các khoa; đồng bộ hóa việc vận hành quy trình đào tạo, tạo sự kết nối, phối hợp kết hợp giữa Phòng ĐT và các khoa.

- Đối với hệ VLVH: Tăng cường kỷ cương dạy và học, phối hợp cùng các phòng chức năng, các đơn vị đào tạo và các đối tác thực hiện nghiêm túc kỷ cương dạy và học. Thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức giảng dạy và học tập bằng nhiều hình thức. Đối với các lớp đặt tại địa phương, yêu cầu đối tác thực hiện nghiêm túc việc quản lý và xác nhận giờ giảng của GV đến giảng dạy, công tác thu học phí.

- Đào tạo SDH: Phần đầu đạt chỉ tiêu tuyển sinh SDH được ĐHQGHN cho phép. Triển khai công tác đào tạo SDH theo hướng ứng dụng ở các ngành được ĐHQGHN thông qua. Nâng cao chất lượng đào tạo SDH nhằm thực hiện chủ trương mới của Bộ GD-ĐT cũng như nâng cao vị thế của Nhà trường.

b. Các chỉ tiêu

- Tuyển sinh hệ chính quy 1.610 sinh viên, trong đó hệ CLC là 170 SV đạt trên 10% tổng chỉ tiêu; 500 HVCH, 150 NCS.

Tổ chức ít nhất 50 lớp học phần giảng dạy bằng phần mềm website học phần; mỗi đơn vị có đào tạo các ngành KHCB phải tổ chức ít nhất 02 chương trình thực tế gắn với nội dung đào tạo cho SV.

- Triển khai ít nhất 15 lớp học định hướng cho SV, trong đó tập trung vào việc hướng dẫn SV xây dựng mục tiêu, xây dựng kế hoạch học tập, phương pháp học đại học; phương pháp học ngoại ngữ, kỹ năng khai thác và đánh giá thông tin trên mạng, xây dựng công cụ quản lý công việc hiệu quả.

- Đảm bảo 100% học phần được đưa vào giảng dạy có bài giảng được đánh giá.

- **Xây dựng Đề án mở 01 chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao theo hướng xã hội hóa (Bảo chí).**

- Xây dựng Đề án mở 04 chương trình đào tạo thạc sĩ (*Quản lý Văn hóa, Quản lý Biển đảo, ASEAN học, Quản lý Sở hữu Trí tuệ*)

c. Giải pháp

- Tăng cường công tác truyền thông và tư vấn tuyển sinh; chủ động thông tin cho SV về ngành đào tạo, cơ hội nghề nghiệp, khả năng mở rộng cơ hội học tập và phương thức tuyển sinh trên website và các phương tiện truyền thông khác.

- Tiếp tục chuẩn hóa các quy trình quản lý và tổ chức đào tạo theo hướng tinh giản, gọn nhẹ; Tăng cường hơn nữa hoạt động đổi mới phương pháp dạy - học, kiểm tra - đánh giá; Nâng cao vai trò của GV về nhiệm vụ cố vấn học tập.

- Xây dựng hệ thống tài nguyên giáo dục mở nhằm đón đầu xu hướng xây dựng đại học 4.0 theo triết lý giáo dục khai phóng và tự do sáng tạo; đầu tư mua cơ sở dữ liệu và tài khoản vào các cơ sở dữ liệu khoa học trực tuyến; xây dựng và phát triển ngân hàng dữ liệu về khoa học và công nghệ trong lĩnh vực KHXX&NV.

- Có chính sách đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đồng bộ, hiện đại, coi đó là công cụ hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy, quản lý và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử của từng ngành đào tạo nhằm tăng cường khả năng tương tác trong dạy học và chia sẻ tài nguyên học thuật, phù hợp với xu thế phát triển đại học số.

- Đổi mới hình thức tuyển sinh sau đại học theo hướng đơn giản, gọn nhẹ, hiệu quả (*đăng ký thi tuyển sinh trực tuyến, xây dựng đề án xét tuyển một số chuyên ngành khó tuyển*). Tăng cường công tác liên kết đào tạo ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ. Nghiên cứu lịch trình đào tạo giữa các hệ đào tạo để tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất, giảm việc giảng dạy sau đại học ngoài giờ hành chính.

- Tăng cường công tác thông tin tới học viên về các hoạt động hội thảo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Tổ chức thường niên hội nghị khoa học dành riêng cho cán bộ trẻ, học viên cao học và nghiên cứu sinh. Chú trọng tính quốc tế trong việc tổ chức các hội thảo; Tăng cường liên thông với một số đơn vị đào tạo ngoài trường, tạo cơ hội cho học viên tham gia công bố các công trình nghiên cứu tại các diễn đàn đa dạng về chuyên môn và học thuật; điều chỉnh nội dung các báo cáo tiến độ, gắn hoạt động nghiên cứu của học viên với đào tạo và công bố.

- Thường xuyên mở các lớp ôn tập, đào tạo và thi cấp chứng chỉ B1, B2 cho các học viên của Nhà trường, tiến tới mở các lớp đào tạo thi và cấp chứng chỉ quốc tế như IELTS, TOEFL,... phục vụ nhu cầu của nghiên cứu sinh.

- Tìm cơ chế tích hợp các chuyên ngành đào tạo quá hẹp, giảm thiểu chi phí và tăng sức hút cho ngành đào tạo trước xu thế tự chủ hóa đang diễn ra mạnh mẽ; Tăng cường mô hình liên kết đào tạo trong và ngoài Trường.

- Đối với hệ VLVH, tăng cường công tác đào tạo theo địa chỉ, các đề án đào tạo nguồn nhân lực ở các địa phương. Thực hiện theo quy chế đào tạo VLVH mới ban hành của Bộ GD-ĐT theo hướng xét tuyển. Giảm thời gian đào tạo theo hình thức đào tạo tín chỉ (3,5 đến 4 năm).

3.2. Nghiên cứu Khoa học

a. Nhiệm vụ

- Nâng cao năng lực tiệm cận trình độ quốc tế của đội ngũ cán bộ khoa học.

- Xây dựng, kiến tạo cơ chế, cơ cấu tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy cán bộ tiệm cận trình độ quốc tế.

- Khai thác hiệu quả đội ngũ cán bộ đạt trình độ đáp ứng được khả năng công bố quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch, nguồn kinh phí thỏa đáng thực hiện nhiệm vụ trên.

b. Các chỉ tiêu

- Các hội thảo/hội nghị/tọa đàm khoa học: Tổ chức 20 hội thảo/tọa đàm khoa học quốc tế, trong đó có 12 hội thảo khoa học quốc tế hợp tác thường niên với các đối tác quốc tế; tổ chức 01 HNKH sinh viên; tổ chức 01 HNKH của cán bộ trẻ và học viên SĐH.

- Quy hoạch hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu: Xây dựng ít nhất 2 phòng thí nghiệm trọng điểm cấp ĐHQGHN; Rà soát hệ thống các trung tâm nghiên cứu gắn với các ngành/chuyên ngành đào tạo.

- Các đề tài, dự án KH&CN: Đề xuất 2 - 3 đề tài cấp Nhà nước thuộc các chương trình khoa học Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ, 8 đề tài thuộc đề án Biên soạn Lịch sử Việt Nam, 05 đề tài thuộc Quỹ Nafosted, 18 đề tài cấp ĐHQGHN; Mỗi nhóm nghiên cứu mạnh đề xuất được 01 chương trình/đề án nghiên cứu.

- Các ấn phẩm KH&CN: Công bố 500 bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí khoa học và hoặc kỷ yếu hội thảo; công bố 50 bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế và hoặc kỷ yếu HTKHQT (trong đó có 20 bài báo thuộc danh mục ISI, scopus); 10 sách tham khảo, chuyên khảo, 01- 02 sách chuyên khảo được xuất bản bằng tiếng Anh.

- Các giải thưởng KH&CN: 05 giải thưởng khoa học các cấp.

- Kinh phí hoạt động KH&CN: Kinh phí cho hoạt động khoa học từ các nhiệm vụ cấp Nhà nước, đề tài và HTQT tăng 20% so với năm 2016.

c. Giải pháp

- Chủ động đề xuất, xây dựng và tích cực tham gia đấu thầu các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước; hỗ trợ về đối tác, kinh phí để tăng cường xuất bản, công bố những công trình có giá trị khoa học bằng tiếng nước ngoài.

- Mở rộng quan hệ, tạo điều kiện thu hút các đề tài, đề án, hội thảo để có thể thu hút tài chính của đối tác trong nước và quốc tế; đầu tư có trọng điểm, thích đáng đối với những nhiệm vụ nghiên cứu tạo ra các sản phẩm khoa học có giá trị cao phục vụ đào tạo và thực tiễn phát triển KT - XH của đất nước.

- Nâng cao hiệu quả công tác khai thác, sử dụng thông tin khoa học nhằm tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ nhiệm vụ nghiên cứu và đào tạo có hiệu quả cao.

3.3. Công tác Tổ chức - Cán bộ

3.3.1. Công tác Tổ chức

a. Nhiệm vụ:

Tập trung xây dựng và tiếp tục hoàn thiện mô hình một số đơn vị phát triển theo định hướng Đại học nghiên cứu, phát huy nguồn lực đồng thời phát triển một số đơn vị theo hướng xã hội hoá CTĐT.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý điều hành thuộc lĩnh vực TCCB.

- Quy hoạch các trung tâm, theo hướng phát huy sự liên kết với các ngành, địa phương; gắn kết nhiệm vụ ĐT và NCKH theo định hướng phát triển Đại học nghiên cứu hiện đại.

c. Giải pháp

- Rà soát hệ thống văn bản quản lý thuộc lĩnh vực TCCB để bãi bỏ các văn bản hết hiệu lực, không còn phù hợp; xây dựng, bổ sung, cập nhật hệ thống văn bản phục vụ cho

công tác quản lý: Quy định nhiệm vụ của giảng viên, nghiên cứu viên thuộc Trường; điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ...

- Xúc tiến các điều kiện xây dựng đề án thành lập *Viện Báo chí và Truyền thông* trực thuộc Trường.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ, đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, đào tạo để quy hoạch các trung tâm, theo hướng gắn kết nhiệm vụ ĐT và NCKH.

3.3.2. Công tác Cán bộ

a. Nhiệm vụ

- Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển đội ngũ cán bộ, từng bước thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ giai đoạn 2015 – 2020.

- Tổ chức giới thiệu, bổ nhiệm Trường/Phó các khoa, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo quản lý cấp bộ môn, Hội đồng KH&ĐT của một số đơn vị.

- Tập trung mọi nguồn lực đầu tư cho công tác phát triển đội ngũ cán bộ đạt chuẩn chức danh, học vị. Đẩy nhanh tỷ lệ GV đạt chuẩn học vị tiến sĩ, chức danh GS/PGS.

- Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ thuộc diện quy hoạch lãnh đạo, quản lý; đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm phát triển đội ngũ cán bộ đạt chuẩn học vị, chức danh, nghiệp vụ.

- Tăng cường quản lý nhân sự cấp bộ môn và vai trò chuyên môn của bộ môn.

- Rà soát phân công công việc theo vị trí việc làm, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và đánh giá đội ngũ cán bộ, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ; thực hiện chính sách thu hút và tuyển dụng cán bộ, nhà khoa học có trình độ cao (GS, PGS, TS).

b. Các chỉ tiêu

- Phát triển đội ngũ theo hướng đạt chuẩn: 100% cán bộ trong diện quy hoạch được cử đi đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, quản lý; Phấn đấu năm 2018, có 61% GV đạt trình độ TS, trong đó có 27% có chức danh GS và PGS; 40 GV được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đại học; 40 GV tham dự lớp bồi dưỡng giảng viên chính.

- Thu hút và tuyển dụng ít nhất 5 GV có học vị TS.

c. Giải pháp

- Tiếp tục giám sát tiến độ học tập của cán bộ là HVCH, NCS; thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí, học phí, giảm giờ giảng, khen thưởng thành tích của cán bộ học sau đại học; bên cạnh đó thực hiện chế tài với những cán bộ không hoàn thành kế hoạch học tập, giảng viên chậm thi NCS chặt chẽ hơn.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu tổng thể từ nay đến 2020 về đội ngũ GV, trong đó xác định lộ trình đạt chuẩn chức danh, học vị cho từng GV, tiếp tục giao chỉ tiêu nhiệm vụ tới từng giảng viên, bộ môn và khoa.

- Lãnh đạo các khoa/bộ môn phân công công việc hợp lý, tạo điều kiện về thời gian để cán bộ tập trung hoàn thành sớm LA; phân công GV hướng dẫn LV, LA để chuẩn bị những điều kiện cần thiết trong hồ sơ xét chức danh.

- Tập trung triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng.

3.4. Xây dựng cơ sở vật chất

a. Nhiệm vụ

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị cho các giảng đường và các đơn vị phục vụ tốt cho công tác đào tạo và NCKH.

- Phối hợp với Ban Quản lý các dự án hoàn thành Dự án xây dựng Phòng Thực nghiệm Giám định xã hội (Khoa Tâm lý học).

- Phối hợp với Ban Quản lý các dự án tổ chức, triển khai Dự án cải tạo hạ tầng trong khuôn viên Trường.

- Triển khai lập quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án Đầu tư xây dựng Trường tại Hòa Lạc.

b. Giải pháp

- Tập trung nguồn lực để hoàn thành các dự án; Tăng cường công tác giám sát, quản lý việc sử dụng CSVC một cách tiết kiệm, hiệu quả.

3.5. Kế hoạch - tài chính

a. Nhiệm vụ và chỉ tiêu

- Lập kế hoạch ngân sách tăng thêm từ 5 - 10%. Có kế hoạch chủ động trong thực hiện nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đặc biệt theo năm, kế hoạch trung và dài hạn của Nhà trường, đảm bảo sát tình hình thực tế có tính khả thi cao.

- Điều chỉnh tỷ lệ sử dụng kinh phí từ nguồn thu bổ sung, từ các quỹ phù hợp với thực tế, ưu tiên kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như giáo trình, bài giảng, đào tạo cán bộ, NCKH...

- Tăng tỷ trọng nguồn thu bổ sung.

- Cân đối các nguồn kinh phí đảm bảo chi trả thu nhập tăng thêm bằng hoặc tăng hơn so với năm 2016.

b. Giải pháp

- Tích cực mở rộng các hoạt động dịch vụ ĐT, LKĐT với các đơn vị trong và ngoài nước.

- Xây dựng các đề án, dự án trung và dài hạn gắn với các nhiệm vụ phát triển của Nhà trường.

- Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng, điều chỉnh các văn bản tài chính phù hợp với quy định của Nhà nước, nhiệm vụ của Trường và nguồn kinh phí; Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí hiệu quả, đúng mục đích.

3.6. Hợp tác và Phát triển

a. Nhiệm vụ

- Tiếp tục duy trì và phát triển các chương trình HTQT, dự án quốc tế với các đối tác truyền thống và đối tác mới, theo hướng lựa chọn đối tác hợp tác có hiệu quả và những đối tác xếp thứ hạng cao trong khu vực và trên thế giới.

- Tăng cường thu hút các nguồn tài trợ cho các đề tài, dự án nghiên cứu, HTQT, công bố quốc tế.

- Chủ động tìm kiếm học bổng cho SV và cán bộ, GV đi học tập và nghiên cứu tại các trường đối tác nước ngoài.

- Triển khai hiệu quả nội dung các văn bản HTQT đã ký kết.

- Xây dựng bộ thương hiệu và nhận diện hình ảnh của Trường góp phần vào việc quảng bá hình ảnh, nâng cao uy tín của Trường ở trong và ngoài nước.

- Chủ động tìm kiếm và mở rộng quan hệ với các đối tác trong nước trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và đào tạo.

b. Các chỉ tiêu

- Số SV và cán bộ của Trường đi học tập, nghiên cứu, giảng dạy, trao đổi hợp tác, tham dự hội thảo ở nước ngoài: 200 người.

- Số SV và giảng viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu, giảng dạy, trao đổi hợp tác, tham dự hội thảo tại Trường: 800 người.

- Số chương trình giao lưu và đào tạo ngắn hạn cho SV quốc tế: 01 - 03 chương trình.

- Số dự án, đề tài khoa học do các quỹ và tổ chức quốc tế và trong nước tài trợ: 03.

c. Giải pháp:

- Nâng cao trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ cho cán bộ về hợp tác quốc tế và phát triển.

- Phát huy tiềm lực và tính chủ động của các đơn vị trong thiết lập và thực hiện hợp tác quốc tế theo nhu cầu thực tiễn.

- Tiếp tục duy trì quan hệ với các đối tác truyền thống, đồng thời mở rộng thêm các đối tác quốc tế mới theo hướng hiệu quả.

- Đa dạng hoá và thực hiện linh hoạt các hình thức hợp tác nhằm phục vụ tốt nhất cho các chương trình và nhiệm vụ trọng tâm của Trường.

- Đổi mới các sản phẩm văn hóa nhằm giới thiệu, quảng bá hình ảnh, vị thế và thế mạnh về NC&ĐT của Trường với các đối tác nước ngoài.

3.7. Đổi mới quản trị đại học và cải cách hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông

3.7.1. Đổi mới quản trị đại học và cải cách hành chính

a. Nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai đổi mới quản trị đại học; đơn giản hóa và công khai hoá các thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp, chuyên trách trong công tác quản lý hành chính.

- Thực hiện tốt công tác báo cáo, thông kê theo yêu cầu của Trường và của cấp trên.

b. Giải pháp

- Tăng cường sự phối hợp, liên thông liên kết giữa các phòng, ban chức năng, giữa phòng, ban với các đơn vị; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các cá nhân và đơn vị.

3.7.2. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông

a. Nhiệm vụ

- Triển khai dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ trong toàn Trường; Tiếp tục phát triển thư viện tài nguyên số theo chuẩn webometrics.

- Đảm bảo hệ thống mạng hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, khai thác thông tin phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của cán bộ, sinh viên.

b. Giải pháp

- Tăng cường hệ thống quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động mạng nhằm tối ưu công tác quản trị mạng, đảm bảo an ninh, an toàn cho hệ thống mạng.

- Tăng cường hệ thống switch trung tâm, thiết bị bảo mật và hệ thống sao lưu dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống mạng; Nâng cấp hệ thống mạng LAN tại nhà E; Nâng cấp phần mềm website học phần.

3.8. Đảm bảo chất lượng và phát triển văn hoá chất lượng

a. Nhiệm vụ

- Tổ chức đánh giá ngoài CTĐT cử nhân ngành Văn học theo Bộ tiêu chuẩn AUN.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá và tổ chức đánh giá chất lượng đồng cấp các CTĐT cử nhân ngành Báo chí, Chính trị học, Nhân học và Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành theo tiêu chuẩn ĐHQGHN.

- Làm tốt công tác đánh giá chất lượng và xếp hạng đại học theo yêu cầu của ĐHQGHN.

- Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng các CTĐT cử nhân ngành Đông phương học và Triết học .

b. Chỉ tiêu năm học

- Tổ chức thực hiện KĐCL và ĐGCL 05 CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn AUN và ĐHQGHN.

- 100% học phần được lấy ý kiến phản hồi của người học.

- 100% giảng viên tự đánh giá.

- 1500 phiếu lấy ý kiến về các hoạt động hỗ trợ người học.

- 180 phiếu lấy ý kiến nhà sử dụng lao động.

b. Giải pháp

- Xây dựng Sổ tay đảm bảo chất lượng .

- Xây dựng bộ minh chứng cốt lõi phục vụ đánh giá chất lượng các CTĐT.

- Từng bước thực hiện các hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan bằng hình thức trực tuyến.

- Tăng cường tuyên truyền về công tác đảm bảo chất lượng và văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

3.9. Thanh tra và Pháp chế

a. Nhiệm vụ

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ toàn diện mọi mặt hoạt động của Nhà trường, trong đó tập trung kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch; kỷ cương đào tạo, kỷ luật học đường của người học, kỷ luật lao động của CBVC; kiểm tra một số công việc theo chuyên đề, thanh tra đột xuất... Thực hiện giám sát phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tiếp tục thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

- Xây dựng tủ sách pháp luật, củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu pháp chế, nghiên cứu nắm chắc, kịp thời các nghị quyết, luật, văn bản dưới luật, chính sách, quy chế, quy định mới của Nhà nước, của ngành, của ĐHQGHN để phổ biến, quán triệt sâu rộng đến từng CBVC và người học trong Trường; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà trường và của đơn vị hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc pháp chế nhằm mục đích phòng ngừa, ngăn chặn những hành vi vi phạm kỷ luật và pháp luật, giữ vững nề nếp kỷ cương của Nhà trường, tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà trường, CBVC và người học...

b. Giải pháp

- BGH, Cấp ủy, Thủ trưởng các đơn vị quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để thanh tra các cấp, giảng viên, chuyên viên hành chính, nghiên cứu viên, trợ lý... hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, pháp chế cho cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra viên kiêm nhiệm uy tín có nghiệp vụ xử lý các công việc tại đơn vị.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống dữ liệu thanh tra, pháp chế; biểu mẫu, hướng dẫn... cho cán bộ làm công tác thanh tra, pháp chế để thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Thực hiện kiểm tra, thanh tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất và theo sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu.

- Đa dạng hóa các hình thức phổ biến pháp luật; Đảm bảo thực hiện tốt khẩu hiệu “*Sống và làm việc, học tập theo Hiến pháp và Pháp luật*”.

- Tổ chức tốt các kỳ Giao ban Thanh tra, Hội nghị phổ biến pháp luật.

- Đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch trong công tác khen thưởng, kỷ luật.

3.10. Công tác chính trị tư tưởng, thi đua khen thưởng, công tác sinh viên, quốc phòng an ninh

3.10.1. Công tác chính trị - tư tưởng và thi đua khen thưởng

a. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng trong CB và SV, coi trọng chất lượng Đảng viên.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, văn hoá học đường, thực hiện nghiêm túc quy chế đào tạo.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ thông qua hình thức đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên các khoa; tổ chức tốt hội nghị cán bộ công chức viên chức tạo sự đồng thuận, liên thông, liên kết trong toàn Trường; tổ chức tốt hội nghị cán bộ Lớp, cán bộ Đoàn, cán bộ Hội; không ngừng giáo dục về ý thức trách nhiệm, tạo dựng hình ảnh, thương hiệu của Nhà trường và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh*”, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tổ chức hiệu quả phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ và SV.

- Tiếp tục đẩy mạnh và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước.

- Xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh; tăng cường ý thức tự giác, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy trong học tập, làm việc; Tiếp tục đổi mới công tác bình xét danh hiệu thi đua theo hướng tính điểm, đánh giá thi đua, khen thưởng theo nhóm các vị trí công việc.

b. Các chỉ tiêu

- Phấn đấu 100% cán bộ và SV được học tập, quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

- 100% SV tham gia “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” đầu năm học.

- 100% cán bộ và SV tham gia các sinh hoạt chính trị tư tưởng do Nhà trường tổ chức.

- Kết nạp 45 đảng viên mới, trong đó có 75% là SV.

c. Giải pháp

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và cập nhật thường xuyên các văn bản chính sách pháp luật của Nhà nước, trước hết là luật về cán bộ công chức, viên chức và Luật Giáo dục đại học; Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Tăng cường hiệu quả sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức chính trị xã hội trong Nhà trường và phòng chức năng trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng của cán bộ và SV.

- Phát động các phong trào thi đua trong dạy và học; Tăng cường hoạt động văn nghệ, thể thao trong cán bộ, SV; làm tốt công tác khen thưởng, kỷ luật.

- Xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh; tăng cường kỷ cương, ý thức tự giác, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy trong học tập, làm việc.

- Tiếp tục đổi mới phương thức và điều chỉnh tiêu chí xét thi đua, khen thưởng; Chia nhóm đối tượng theo các vị trí công việc để bình xét đảm bảo tính công bằng; phân cấp mạnh, gắn vai trò tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho đơn vị trực tiếp quản lý, phân công, đánh giá cán bộ.

3.10.2. Công tác sinh viên

a. Nhiệm vụ

- Hoàn thiện việc quản lý sinh viên phù hợp với quy chế mới; giải quyết các chế độ chính sách, xét cấp học bổng kịp thời, chính xác, đầy đủ. Hoàn thành việc đăng nhập cơ sở dữ liệu SV.

- Tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ SV, dịch vụ SV, đẩy mạnh tinh thần khởi nghiệp cho SV, HVCH và NCS; nâng cao khả năng việc làm cho SV sau tốt nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường công tác giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, công tác quản lý SV chính quy, sinh viên hệ VLVH và lưu học sinh, SV nội trú, ngoại trú.

- Thực hiện tốt, kịp thời cơ sở dữ liệu SV tốt nghiệp.

- Phối hợp với Hội các nhà Quản trị doanh nghiệp Việt Nam, Hội Cựu sinh viên Trường, các trung tâm, tổ chức tư vấn hướng nghiệp, tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Tham gia tích cực, hiệu quả ngày hội tư vấn tuyển sinh.

- Tiếp tục khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả các học bổng ngoài ngân sách.

b. Các chỉ tiêu

- Phân đầu 100% SV được giải quyết kịp thời, đầy đủ các chế độ chính sách đối với người học.

- Phân đầu 100% SV có kết quả rèn luyện đạt từ loại khá trở lên, 15% đạt loại xuất sắc. Phân đầu không có SV mắc các tệ nạn xã hội, hoặc bị kỷ luật do vi phạm pháp luật.

- 100% các lớp ra Trường đều được thành lập mạng lưới cựu SV.

- Phân đầu mỗi năm có trên 25 lượt SV Nhà trường được tham gia chương trình trao đổi, học tập tại các trường đại học nước ngoài.

- 100% SV tham gia bảo hiểm y tế.

c. Giải pháp

- Thực hiện tốt chính sách đối với người học, tăng cường các nội dung và hình thức tư vấn, hướng nghiệp, dịch vụ, việc làm cho SV; tổ chức tốt hội nghị cán bộ lớp.

- Phát huy hiệu quả phần mềm mới trong công tác quản lý người học; đổi mới công tác quản lý hồ sơ SV, các thủ tục liên quan đến người học.

3.10.3. Công tác Quốc phòng an ninh

a. Nhiệm vụ

- Tham gia tổ chức và hỗ trợ công tác giảng dạy quốc phòng, an ninh cho SV, công tác bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho cán bộ viên chức theo quy định. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn nam SV tốt nghiệp gửi đi đào tạo sĩ quan dự bị khi được Bộ GD-ĐT giao nhiệm vụ.

- Củng cố và xây dựng lực lượng tự vệ theo đúng Luật Dân quân tự vệ; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chức quần chúng, lực lượng vũ trang trong khu vực giữ gìn an ninh,

trật tự - an toàn xã hội trên địa bàn; Tăng cường cảnh giác và có phân công, phân nhiệm rõ ràng, trực sẵn sàng chiến đấu trong dịp tổ chức các sự kiện chính trị của đất nước, thủ đô, ngành và của Nhà trường. Thực hiện tốt chế độ chính sách hậu phương quân đội...

b. Giải pháp

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu về công tác QP-AN, quân sự địa phương.

- Tổ chức quán triệt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của cấp trên về công tác QP-AN; Chủ động đối phó với âm mưu của các thế lực thù địch.

- Bảo đảm đủ kinh phí cho việc thực hiện công tác QP-AN, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, giao lưu văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị trên địa bàn góp phần giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị và tình đoàn kết quân - dân đối với cán bộ, GV, SV.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thủ trưởng các đơn vị tổ chức quán triệt phương hướng, kế hoạch năm học 2017 - 2018 tới tất cả cán bộ, viên chức, người học của đơn vị mình, đồng thời tổ chức xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch năm học của đơn vị.

- Các phòng chức năng ngoài việc xây dựng và thực hiện kế hoạch năm học của đơn vị mình, có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch năm học ở các đơn vị, đồng thời đề xuất và báo cáo với Ban Giám hiệu những vấn đề phát sinh để giải quyết kịp thời.

BAN GIÁM HIỆU